

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các văn bản số 74/2024/CV KS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá núi Ba Trại, xã Bình Điền, thành phố Huế” và Công văn số 158/2025/CV-PTP ngày 02/12/2025 về việc giải trình, chỉnh sửa, báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của cơ sở “Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá núi Ba Trại, xã Bình Điền, thành phố Huế của Công ty Cổ phần khoáng sản Huế và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7971/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần khoáng sản Huế, địa chỉ văn phòng tại số 53 Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Xuân, thành phố Huế được

thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá núi Ba Trại, xã Bình Điền, thành phố Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá núi Ba Trại, xã Bình Điền, thành phố Huế;

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Bình Điền, thành phố Huế;

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 3300100963 chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 23/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Sở Tài chính) cấp;

1.4. Mã số thuế: 3300100963;

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường;

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi khu mỏ theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản và hợp đồng thuê đất;

- Diện tích sử dụng đất của khu mỏ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 25/4/2015 diện tích: 5,0 ha;

- Diện tích theo Hợp đồng thuê đất số 69/HĐTĐ ngày 01/11/2021 diện tích 5,0 ha.

- Phạm vi khu mỏ điều chỉnh thành 02 khu vực như sau:

+ Khu vực khai thác: 4,34 ha;

+ Khu vực không khai thác: 0,66 ha.

- Diện tích khu mỏ được giới hạn bởi các điểm có tọa độ (Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0) như sau:

Stt	Tên mốc	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 107^0 , múi chiếu 3^0)	
		X (m)	Y (m)
I	Phạm vi toàn bộ cơ sở (5 ha)		
1	M1	1.816.749,38	547.539,56
2	M2	1.816.876,42	547.754,88
3	M3	1.816.729,24	547.899,12
4	M4	1.816.602,21	547.683,81

Stt	Tên mốc	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
II	Phạm vi khai thác (4,34 ha)		
1	N1	1.816.759,06	547.555,96
2	M2	1.816.876,42	547.754,88
3	M3	1.816.729,24	547.899,12
4	N6	1.816.610,00	547.697,00
5	N5	1.816.627,00	547.682,00
6	N4	1.816.711,00	547.676,00
7	N3	1.816.722,00	547.627,00
8	N2	1.816.711,00	547.758,00

- Giấy chứng nhận đầu tư số 6416821430 chứng nhận lần đầu ngày 24/12/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 06/10/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 31/3/2025 do Sở Tài chính cấp.

1.6.2. Công suất của cơ sở, trữ lượng, thời gian khai thác

- Trữ lượng: Căn cứ Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá núi Ba Trại, xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, thành phố Huế (nay là xã Bình Điền, thành phố Huế):

+ Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng khoáng sản đá cấp 121+122 (tính đến cosd +40m và được tính đến ngày 15/5/2013): 1.732.964 m³.

Trong đó: Cấp 121: 689.208 m³.

Cấp 122: 1.043.756 m³.

+ Khoáng sản đi kèm: Trữ lượng đất phủ là: 179.136 m³.

- Căn cứ Giấy phép số khai thác khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 25/4/2015 của UBND thành phố:

+ Trữ lượng địa chất cấp 121+122: 1.732.964 m³.

+ Trữ lượng khai thác: 1.214.614 m³.

- Trữ lượng tương ứng với diện tích khai thác 4,34 ha.

+ Trữ lượng đá khai thác: 1.077.446 m³.

+ Trữ lượng đất phủ: 156.852 m³.

- Công suất khai thác: 50.000 m³/năm.

- Thời hạn giấy phép khai thác: Đến hết ngày 11/7/2039.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu phát sinh bụi và khí thải trong quá trình hoạt động của cơ sở nêu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần khoáng sản Huế có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện các nội dung theo quy định tại Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, trước khi cơ sở đi vào hoạt động và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chịu trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư công trình thủy điện Hương Điền để xác định cụ thể phạm vi, ranh giới bảo vệ công trình thủy điện Hương Điền tại thực địa; Chỉ được phép tiến hành các hoạt động khai thác khoáng sản tại khu vực nằm ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy điện đã được xác định.

2.2. Thực hiện hợp đồng với đơn vị có chức năng tư vấn hoạt động nổ mìn để khảo sát, lập phương án dự kiến nổ mìn đảm bảo phù hợp với tình hình, đặc điểm của mỏ đá Ba Trại và theo quy định tại Thông tư số 32/2019/TT-BCT ngày 21/11/2019 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT).

2.3. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;

2.5. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.6. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường;

2.7. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty Cổ phần khoáng sản Huế;
- Sở Công Thương;
- Quỹ BVMT thành phố;
- UBND xã Bình Điền;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD;
- Lưu VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 133/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình xịt rửa xe (được thu gom, xử lý và tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: có 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường chảy vào hồ thủy điện Hương Điền thuộc xã Bình Điền, thành phố Huế.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ thủy điện Hương Điền thuộc xã Bình Điền, thành phố Huế.

2.2.1. Vị trí xả nước thải

- Điểm giáp ranh giữa khu mỏ với hồ thủy điện Hương Điền thuộc xã Bình Điền, thành phố Huế.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X: 1.816.660,16; Y: 547.628,45.

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 631 m³/ngày (24 giờ);

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: liên tục;

2.2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/l	≤80

3	BOD ₅	mg/l	≤60
4	COD	mg/l	≤90
5	Tổng coliform	MPN/ 100ml	≤5.000
6	Độ màu	Pt/Co	≤100

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Từ năm khai thác thứ 1 đến năm khai thác thứ 4:

Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác theo địa hình tự chảy theo mương phía Tây Bắc khu vực đang khai thác về hồ lắng nằm cách ranh giới mốc N4-N5 khoảng 20m. Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm cưỡng bức nước từ trong hồ lắng qua đường ống PVC D100 dài khoảng 55m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha).

Kết cấu: mương đá.

Kích thước: chiều dài: khoảng 120m, chiều rộng: 1,5m; chiều sâu: 1m.

- Từ năm khai thác thứ 5 đến năm khai thác thứ 14:

Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác theo địa hình tự chảy về mương nước dọc theo ranh giới từ mốc N3-N5 sau đó dẫn vào hồ lắng nằm sát ranh giới mốc N4-N5 (Từ năm thứ 5, hồ lắng được dịch chuyển từ vị trí cách ranh giới mốc N4-N5 khoảng 20m sang vị trí nằm sát ranh giới mốc N4-N5). Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm cưỡng bức nước từ trong hồ lắng qua đường ống PVC D100 dài khoảng 55m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha).

Kết cấu: mương đá.

Kích thước: chiều dài: khoảng 140m, chiều rộng: 1,5m; chiều sâu: 1m.

- Từ năm khai thác thứ 15 đến năm khai thác thứ 19:

Nước mưa chảy tràn được thu gom theo 02 lưu vực:

+ Lưu vực 01: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác ở phía Đông theo địa hình tự chảy về mương nước dọc theo ranh giới từ mốc N4-N5 sau đó dẫn vào hồ lắng nằm sát ranh giới mốc N4-N5. Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm

cường bức nước từ trong hồ lắng qua đường ống PVC D100 dài khoảng 55m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha).

Kết cấu: mương đá.

Kích thước: chiều dài: khoảng 80m, chiều rộng: 1,5m; chiều sâu: 1m.

+ Lưu vực 02: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác ở phía Tây một phần theo địa hình tự chảy về moong đã khai thác nằm dọc ranh giới mốc N1-M2, phần còn lại theo địa hình tự chảy về mương nước dọc theo ranh giới từ mốc N2-N4 sau đó dẫn vào moong đã khai thác nằm dọc ranh giới mốc N1-M2. Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm cường bức nước từ trong moong đã khai thác qua đường ống PVC D100 dài khoảng 95m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha).

Kết cấu: mương đá.

Kích thước: chiều dài: khoảng 115m, chiều rộng: 1,5m; chiều sâu: 1m.

- Từ năm khai thác thứ 20 đến khi kết thúc khai thác:

Nước mưa chảy tràn tự chảy theo địa hình về moong đã khai thác, tại đây, dùng bơm công suất 55kW bơm cường bức nước từ trong moong đã khai thác qua đường ống PVC D100 dài khoảng 95m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha).

Vào thời gian mùa mưa, khi mưa kéo dài, cơ sở gần như không tiến hành hoạt động khai thác.

1.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- *Nước thải từ quá trình xịt rửa xe*

Nước thải tự chảy vào mương bê tông thu nước có kích thước $D \times R \times C = 3\text{m} \times 0,6\text{m} \times 0,15\text{m}$ dẫn qua hố ga thu nước có kích thước $D \times R \times C = 0,7\text{m} \times 0,7\text{m} \times 0,7\text{m}$ để lắng giảm bớt chất rắn lơ lửng sau đó tự chảy theo ống nhựa PVC D90 dài khoảng 1,5m qua bể lắng 01 rồi tự chảy theo ống nhựa PVC D90 dài khoảng 1m qua bể lắng 02 và cuối cùng theo theo ống nhựa PVC D90 dài khoảng 1m qua bể lắng 03.

Nước thải phát sinh tại trạm xịt rửa xe được tái sử dụng để xịt rửa xe, không xả thải ra môi trường.

- *Nước thải sinh hoạt của công nhân*: Chủ cơ sở bố trí nhà vệ sinh di động để công nhân sinh hoạt. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý chất thải từ nhà vệ sinh di động.

1.1.3. Xử lý nước thải

1.1.3.1. Nước mưa chảy tràn

- Từ năm khai thác thứ 1 đến năm khai thác thứ 4:

Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác theo địa hình tự chảy theo mương phía Tây Bắc khu vực đang khai thác về hồ lắng nằm cách ranh giới mốc N4-N5 khoảng 20m. Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm cưỡng bức nước từ trong hồ lắng qua đường ống PVC D100 dài khoảng 55m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha) sau đó theo mương tự chảy ra hồ thủy điện Hương Điền.

Thông tin hồ lắng:

Vị trí: Trong phạm vi khai thác, nằm cách ranh giới mốc N4-N5 khoảng 20m.

Thể tích hồ lắng: khoảng 300 m³.

Tọa độ địa lý của hồ lắng (hệ tọa độ VN-2000, KTT 107⁰ múi chiếu 3⁰):

X (m): 1.816.665,95

Y (m): 547.627,87

Bố trí các biển cảnh báo nguy hiểm tại hồ lắng, gia cố bờ hồ lắng phía Tây Nam bằng đá hộc.

Thường xuyên nạo vét hồ lắng với tần suất 02 tuần/lần để đảm bảo chức năng của hồ lắng.

- Từ năm khai thác thứ 5 đến năm khai thác thứ 14:

Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác theo địa hình tự chảy về mương nước dọc theo ranh giới từ mốc N3-N5 sau đó dẫn vào hồ lắng nằm sát ranh giới mốc N4-N5 (Từ năm thứ 5, hồ lắng được dịch chuyển từ vị trí cách ranh giới mốc N4-N5 khoảng 20m sang vị trí nằm sát ranh giới mốc N4-N5). Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm cưỡng bức nước từ trong hồ lắng qua đường ống PVC D100 dài khoảng 55m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha) sau đó theo mương tự chảy ra hồ thủy điện Hương Điền.

Thông tin hồ lắng:

Vị trí: Trong phạm vi khai thác, nằm sát ranh giới mốc N4-N5.

Thể tích hồ lắng: khoảng 450 m³.

Tọa độ địa lý của hồ lắng (hệ tọa độ VN-2000, KTT 107⁰ múi chiếu 3⁰):

X (m): 1.816.666,96

Y (m): 547.681,25

Bố trí các biển cảnh báo nguy hiểm tại hồ lắng, gia cố bờ hồ lắng phía Tây Nam bằng đá hộc.

Thường xuyên nạo vét hồ lắng với tần suất 02 tuần/lần để đảm bảo chức năng của hồ lắng.

- Từ năm khai thác thứ 15 đến năm khai thác thứ 19:

Nước mưa chảy tràn được thu gom theo 02 lưu vực:

+ Lưu vực 01: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác ở phía Đông theo địa hình tự chảy về mương nước dọc theo ranh giới từ mốc N4-N5 sau đó dẫn vào hồ lắng nằm sát ranh giới mốc N4-N5. Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm cưỡng bức nước từ trong hồ lắng qua đường ống PVC D100 dài khoảng 55m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha) sau đó theo mương tự chảy ra hồ thủy điện Hương Điền.

+ Lưu vực 02: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác ở phía Tây một phần theo địa hình tự chảy về moong đã khai thác nằm dọc ranh giới mốc N1-M2, phần còn lại theo địa hình tự chảy về mương nước dọc theo ranh giới từ mốc N2-N4 sau đó dẫn vào moong đã khai thác nằm dọc ranh giới mốc N1-M2. Sau đó, dùng bơm công suất 55kW bơm cưỡng bức nước từ trong moong đã khai thác qua đường ống PVC D100 dài khoảng 95m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha) sau đó theo mương tự chảy ra hồ thủy điện Hương Điền.

- Từ năm khai thác thứ 20 đến khi kết thúc khai thác:

Nước mưa chảy tràn tự chảy theo địa hình về moong đã khai thác, tại đây, dùng bơm công suất 55kW bơm cưỡng bức nước từ trong moong đã khai thác qua đường ống PVC D100 dài khoảng 95m ra hồ nước nằm tại khu vực không khai thác của cơ sở (0,66 ha) sau đó theo mương tự chảy ra hồ thủy điện Hương Điền.

1.1.3.2. Nước thải từ quá trình xịt rửa xe

- Nước thải tự chảy vào mương bê tông thu nước có kích thước $D \times R \times C = 3\text{m} \times 0,6\text{m} \times 0,15\text{m}$ dẫn qua hố ga thu nước có kích thước $D \times R \times C = 0,7\text{m} \times 0,7\text{m} \times 0,7\text{m}$ để lắng giảm bớt chất rắn lơ lửng sau đó tự chảy theo ống nhựa PVC D90 dài khoảng 1,5m qua bể lắng 01 rồi tự chảy theo ống nhựa PVC D90 dài khoảng 1m qua bể lắng 02 và cuối cùng theo theo ống nhựa PVC D90 dài khoảng 1m qua bể lắng 03 sau đó được bơm qua đường ống PVC D60 dài khoảng 5m bằng máy bơm công suất 7,5 kW cung cấp cho trạm xịt rửa xe.

- Công trình xử lý nước thải từ quá trình xịt rửa xe gồm: hố ga thu nước, bể lắng 01, bể lắng 02, bể lắng 03 có chức năng lắng các chất rắn lơ lửng.

Kích thước:

+ Hố ga thu nước bằng BTCT: $0,343 \text{ m}^3$.

+ Bể lắng 01 (bồn nhựa): 1 m^3 .

+ Bể lắng 02 (bồn nhựa): 1 m³.

+ Bể lắng 03 (bồn sắt): 3 m³.

- Vị trí công trình xử lý nước thải: đặt cạnh trạm xịt rửa xe, tại cổng ra vào khu vực khai thác.

Tọa độ địa lý của công trình xử lý nước thải từ trạm xịt rửa xe (hệ tọa độ VN-2000, KTT 107⁰ múi chiều 3⁰): X (m): 1.816.617,17; Y (m): 547.696,11.

- Nguồn nước sử dụng cho trạm xịt rửa xe: tận dụng lại nguồn nước sau xử lý tại công trình xử lý nước thải và bổ sung thêm nước từ các khe suối lân cận.

- Cơ sở tiến hành nạo vét các hố ga thu nước, bể lắng với tần suất 02 tuần/lần để đảm bảo lắng các chất rắn lơ lửng trước khi bơm tái sử dụng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 133/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Cơ sở khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường không làm phát sinh khí thải trực tiếp từ quá trình hoạt động. Quá trình hoạt động của Cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ khai thác, nổ mìn, các phương tiện giao thông ra vào khu mỏ với lưu lượng rất thấp. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

B. CÁC BIỆN PHÁP NHẪM GIẢM THIỂU PHÁT SINH BỤI VÀ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi: Chủ cơ sở bố trí 01 trạm xịt rửa, rửa lớp xe tự động tại khu vực cổng ra vào khu mỏ trước khi xe ra khỏi mỏ.

- Hoạt động xịt rửa xe:

Chủ cơ sở đã lắp đặt trạm xịt rửa xe nằm tại vị trí cửa ra vào khu vực khai thác.

Quy trình vận hành: Các phương tiện vận chuyển di chuyển vào trạm, nước sẽ được phun để làm sạch hết các bụi bẩn dính bám trên lớp xe, thành xe. Sau khi được làm sạch theo đúng quy trình, tài xế sẽ điều khiển xe qua khu vực rửa, cùng lúc xe tiếp theo sẽ được di chuyển vào vị trí làm sạch.

Trạm xịt rửa xe gồm các hạng mục sau:

+ Hệ thống cảm biến.

+ Đường ống dẫn nước D60 và đường ống dẫn nước gắn các béc phun D34 với 45 béc phun (9 béc phun gầm, 36 béc phun 2 bên thành và lớp xe)

+ 01 hố ga thu nước, 03 bể lắng.

+ 01 Máy bơm nước cho trạm xịt, công suất 7,5 kW.

Nguồn nước sử dụng phục vụ trạm xịt rửa xe: tận dụng lại nguồn nước sau xử lý tại công trình xử lý nước thải và bổ sung thêm nước từ các khe suối lân cận.

2. Tiến hành rải đá cấp phối đoạn đường từ trạm xịt rửa xe ra đến tuyến đường bê tông của xã và thường xuyên theo dõi, khắc phục, sửa chữa đoạn đường này nếu có hiện tượng hư hỏng.

3. Phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển trong khu mỏ và từ cổng khu mỏ đến đường Tỉnh lộ 16 bằng xe bồn (thể tích 5 m³) với tần suất đảm bảo tuyến đường luôn được giữ ẩm và không phát tán bụi.

4. Sử dụng bạt che kín các thùng xe, khi vận chuyển không chở quá thành xe, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe. Bố trí cán bộ thường xuyên thu gom đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đến đường Tỉnh lộ 16.

5. Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất.

6. Công ty Cổ phần khoáng sản Huế chịu hoàn toàn trách nhiệm khi hoạt động phát sinh bụi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 133/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các thiết bị, máy móc: máy đào, ô tô tự đổ.

Nguồn số 02: Hoạt động khoan nổ mìn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh: trong phạm vi cơ sở, khu đất của cơ sở được giới hạn bởi các điểm góc (theo hệ tọa độ VN 2.000, KTT 107⁰, múi chiều 30⁰) như sau:

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Stt	Tên mốc	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	N1	1.816.759,06	547.555,96
2	M2	1.816.876,42	547.754,88
3	M3	1.816.729,24	547.899,12
4	N6	1.816.610,00	547.697,00
5	N5	1.816.627,00	547.682,00
6	N4	1.816.711,00	547.676,00
7	N3	1.816.722,00	547.627,00
8	N2	1.816.711,00	547.758,00

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị tối đa giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Yêu cầu đơn vị dịch vụ nổ mìn thiết kế phương án nổ mìn phù hợp với điều kiện thực tế tại khai trường.

- Lập hộ chiếu khi tiến hành nổ mìn, nghiêm chỉnh chấp hành hộ chiếu khoan nổ mìn đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Xác định bán kính an toàn khi nổ mìn.

- Tuân thủ nghiêm chỉnh hiệu lệnh khi nổ mìn.

- Tiến hành nổ mìn vào thời gian cố định và được sự cho phép của chính quyền địa phương.

- Thống nhất lịch nổ mìn, cấm công nhân và người dân ra vào khu vực mỏ trong thời gian nổ mìn.

- Chỉ hoạt động khai thác khoáng sản vào giờ hành chính, không hoạt động vào ban đêm và các giờ nghỉ ngơi.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Vận hành máy móc, thiết bị theo đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định.

- Trang bị nút chống ồn cho công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị.

- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn, trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiến ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 133/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Quá trình hoạt động của Cơ sở việc sửa chữa xe, máy móc, thiết bị được thực hiện tại gara sửa chữa trên địa bàn, tại khu vực mở không diễn ra công tác sửa chữa nên không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng thực tế phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thực tế tại cơ sở khoảng 3 kg/ngày.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình	Mã CTRTT
1	Bùn đất tại hố ga, bể lắng tại trạm xịt rửa xe	Bùn	300 kg/lần vệ sinh	12 06 13
2	Bùn đất tại hồ lắng	Bùn	1.000 kg/lần vệ sinh	12 06 13

- Quá trình khai thác còn phát sinh lượng sinh khối với tổng khối lượng tính cho toàn mỏ khoảng 100 tấn.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Tại khu vực mở không diễn ra công tác sửa chữa nên tại không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

2.2. Chất thải rắn sinh hoạt

Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân loại CTR sinh hoạt thành 03 nhóm: nhóm tái chế, tái sử dụng (giấy các loại, nhựa các loại, thủy tinh các loại); nhóm chất thải thực

phẩm và nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết vật nuôi).

- Trang bị 03 thùng chứa CTR sinh hoạt (thể tích 120 lít/thùng) chất liệu bằng nhựa HPDE tại khu vực nhà văn phòng để thu gom.

- Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế theo hợp đồng số 62/2025/HĐDVBSH ngày 24/01/2025 để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn đất tại hồ lắng, bể lắng: được thu gom và tập kết ngay tại bờ hồ lắng có bố trí gờ chắn xung quanh để tận dụng gia cố hồ lắng, tuyến đường trong mỏ hằng năm.

- Đối với cây trồng: tiến hành thỏa thuận, hợp đồng với đơn vị thu mua để bán các thân cây, các phần còn lại của cây như lá, cành,... được tập trung tại khu vực ra vào mỏ sau đó hợp đồng đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý để giảm thiểu lượng CTR phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố tai nạn lao động

- Công nhân vận hành máy móc thiết bị như máy xúc được đào tạo và đảm bảo thông thạo kỹ thuật trước khi vận hành máy.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và vệ sinh lao động đồng thời có chế độ kiểm tra việc chấp hành của người lao động.

- Ban hành nội quy, quy định làm việc và Chủ cơ sở hoặc bộ phận quản lý tiến hành giám sát việc thực hiện nội quy của công nhân.

- Tổ chức các buổi tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

- Có chế độ làm việc, nghỉ ngơi với thời gian hợp lý.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong quá trình khai thác.

- Bố trí biển cảnh báo, hàng rào tại hồ lắng.

- Bố trí biển báo, nghiêm cấm người không có phận sự vào mỏ.

* An toàn trong quá trình khoan nổ mìn:

- Ký hợp đồng nổ mìn dịch vụ với đơn vị được cấp phép nổ mìn trên địa bàn. Công ty Cổ phần Khoáng sản Huế phối hợp với đơn vị này để khảo sát, lập phương án dự kiến nổ mìn đảm bảo phù hợp với tình hình, đặc điểm của mỏ đá Ba Trại, đồng thời yêu cầu chủ đầu tư thực hiện các quy định nêu trên tại điểm

b, khoản 1, Điều 32, QCVN 01:2019/BCT của Bộ Công Thương, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định trước khi thực hiện nổ mìn khai thác tại mỏ.

- Phương án nổ mìn được lập và phê duyệt theo đúng các nội dung được quy định tại Quy chuẩn 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp do Bộ Công Thương ban hành.

- Sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện, vi sai điện; không nổ mìn ốp.

- Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, thông báo cụ thể cho người dân về thời điểm tiến hành nổ mìn, bán kính nguy hiểm; có phương án cảnh báo, ngăn chặn người dân vào khu vực bán kính an toàn nổ mìn trước khi tiến hành nổ mìn.

- Phối hợp, thống nhất thời gian nổ mìn với Ban quản lý bến thuyền đi Khu ủy Trị Thiên Huế để tránh gây ảnh hưởng đến hoạt động du lịch tại đây, tránh nổ mìn vào thời điểm bến thuyền có khách du lịch.

- Tuyệt đối không để lại những bãi mìn chưa nổ tại mỏ.

- Nổ mìn theo đúng giờ quy định. Trong thời gian nổ mìn, nghiêm cấm người không có phận sự vào khu vực nổ mìn.

- Nghiêm chỉnh chấp hành hộ chiếu khoan nổ mìn đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Không hút thuốc trong khu vực nạp nổ.

- Bố trí các biển cảnh báo nguy hiểm tại khu vực nổ mìn.

2. Sự cố tai nạn giao thông

Yêu cầu các phương tiện vận chuyển đi chậm trước khi ra tuyến đường Tỉnh lộ 16.

- Bố trí các biển cảnh báo giao thông tại điểm giao giữa đường Tỉnh lộ 16 với tuyến đường vào mỏ.

3. Sự cố cháy nổ

- Trong quá trình khai thác, định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy phù hợp để sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi trường hợp một cách chủ động và có hiệu quả.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

4. Sự cố nguy hiểm tại moong đã khai thác

- Bố trí biển cảnh báo.
- Cấm người không có phận sự đi vào khu vực mỏ.

5. Sự cố sạt lở

- Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật trong khai thác.
- Thực hiện khai thác theo hồ sơ thiết kế mỏ đã được phê duyệt.
- Bố trí cán bộ phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở xảy ra.
- Không đào khoét, khai thác hổng chân và tránh những chấn động, những mảnh đất có nguy cơ bị sụp đổ.
- Khi trời mưa to, đất bờ rời thì nguy cơ sạt lở cao, tại

6. Sự cố hư hỏng trạm xịt rửa xe

- Thường xuyên tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hồ lắng.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của trạm xịt rửa xe.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 133/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường: Căn cứ vào điều kiện thực tế của loại hình khai thác khoáng sản, quá trình khai thác ảnh hưởng tác động đến môi trường; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; hiện trạng khai trường sau kết thúc khai thác và tuân thủ hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty lựa chọn phương án cải tạo phục hồi môi trường như sau:

- + Bạt mái đá trên cùng của khai trường.
- + Xây trụ, cột bê tông, dựng hàng rào dây thép gai đảm bảo an toàn cho người và gia súc qua lại.
- + Trồng cây xung quanh bờ moong; trồng cây tại khu vực không khai thác.
- + Lắp đặt biển báo nguy hiểm.
- + Tháo dỡ công trình phụ trợ.
- + Tạo mương thoát nước.
- + Duy tu lại tuyến đường vận chuyển từ cơ sở đến đường Tỉnh lộ 16 với khoảng cách khoảng 1,5 km.

Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Stt	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện
1	Trồng cây tại khu vực không khai thác	ha	0,588	Trong năm đầu tiên khi bắt đầu khai thác
2	Bạt mái đá trên cùng của khai trường	m ²	1.200	
3	Làm hàng rào bảo vệ			
a	Làm hàng rào thép gai (cột bê tông	m ²	3.232,68	

Stt	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện
	đúc sẵn)			Sau khi kết thúc khai thác
b	Đào móng bằng máy đào $\leq 0,4m^3$, chiều rộng móng $\leq 6m$, đất cấp II	m ³	34,72	
c	Bê tông móng chiều rộng $R > 250cm$, Vữa bê tông đá 1x2 M150	m ³	33,17	
d	Sản xuất, lắp dựng & tháo dỡ ván khuôn KL Ván khuôn cọc, cột	m ²	130,2	
e	Cốt thép cột, cọc, cừ, xà dầm, giằng Đường kính cốt thép $\leq 10mm$	tấn	1,321	
f	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn BT cọc, cột, vữa BT đá dăm 1x2 M150	m ³	6,2	
g	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, $P_{ck} \leq 25Kg$	cái	310	
h	Vận chuyển cấu kiện bê tông, $P \leq 200kg$ bằng thủ công trong phạm vi 300m	tấn/km	15,5	
4	Lắp dựng biển báo	Biển	19	
5	Trồng cây xung quanh bờ moong	ha	0,465	
6	Tháo dỡ nhà văn phòng			
-	Tháo dỡ mái tôn	m ²	50	
-	Tháo dỡ tường tôn	Tấn	2	
-	Phá dỡ nền - nền bê tông, không cốt thép	m ³	10	
-	Phá dỡ móng bê tông có cốt thép	m ³	20	
7	Tháo dỡ trạm xịt rửa xe tự động			
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	tấn	0,5	
-	Phá dỡ nền - nền bê tông, có cốt thép	m ³	4	
8	Tháo dỡ trạm cân			
-	Phá dỡ nền - nền bê tông, có cốt thép	m ³	10	
9	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m	m ³	44	
10	Tạo mương thoát nước	m ³	35	
11	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV	ha	5	
12	Duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển	km	1,5	

2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (chưa tính đến yếu tố trượt giá trong các năm): $A = 1.338.527.000$ đồng. (*Một tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng./.*).

- Thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 15 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 267.705.400 đồng (*Hai trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm đồng*).

+ Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo: 76.487.257 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng*).

Chủ cơ sở đã thực hiện ký quỹ với số tiền là 656.115.338 đồng (*Sáu trăm năm mươi sáu triệu, một trăm mười lăm nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng./.*). Việc khấu trừ số tiền đã đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và theo quy định của Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Huế.

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

- Thời điểm ký quỹ: Chủ cơ sở thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Huế.

Địa chỉ: Số 115 đường Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

B. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần khoáng sản Huế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.